

Phân tích bài thơ Hứng trở về, mẫu 3

Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) đỗ Hoàng giáp năm 16 tuổi, làm quan đến chức Thượng thư thời nhà Trần. Ông còn để lại Giới Hiên thi tập bằng chữ Hán. Bài thơ “Quy hứng” được viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, sáng tác trong thời gian Nguyễn Trung Ngạn đi sứ ở Giang Nam, Trung Quốc.

Quy hứng thể hiện nỗi nhớ gia đình, quê hương với bao niềm tự hào của một người đang sống nơi đất khách quê người:

“Lão tang diệp lạc tầm phương tận,
Tảo đạo hoa hương giải chính phi.
Kiến thuyết tại gia bản diệp hảo,
Giang Nam tuy lạc, bất như quy”.

Hai câu đầu nói lên bao nỗi nhớ của khách tha hương: Nhớ lá dâu già cuối vụ, vàng sẫm rụng khắp các nương bãi, nhớ những lúa tằm vừa chín vàng óng, vàng khươm trong nhà, ngoài sân, nhớ lúa sớm trở trắng phau cánh đồng dâng hương ngào ngạt, nhớ vị béo đậm của đồng. Thời gian mà nhà thơ nói lên nỗi nhớ đó là tháng tư hay tháng mười ? Có hai chi tiết: “Dâu già lá rụng” và “cua béo” cho ta biết đó là vào dịp tháng mười khi gió heo may đã thổi về. Khí trời lành lạnh ấy càng làm cho nỗi nhớ nhà, nhớ quê thêm phần thấm thía:

“Lão tang diệp lạc tầm phương tận,
Tảo đạo hoa hương giải chính phi”

(Dâu già lá rụng tằm vừa chín,
Lúa sớm bông thơm, cua béo ghê)

Các chi tiết nghệ thuật như dâu, tằm, hương lúa sớm, cua béo, đều là cảnh vật đồng quê, màu sắc, hương vị đậm đà của quê nhà thân yêu. Thật là bình dị, mộc mạc, dân dã. Khách li hương xứ sở mới có nỗi nhớ ấy. Cảnh vật ấy, hương vị ấy đã trở thành máu thịt, tâm hồn của nhà thơ. Nỗi nhớ của ông quan đi sứ trong thế kỉ 14 sao giống nỗi nhớ của anh trai cay ngày nay thế? Cũng là nỗi nhớ hương vị đậm đà quê hương:

“Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương”
(Ca dao)

Và nỗi nhớ của người lính chiến thời đánh Pháp (1946 – 1954):

“Bao giờ trở lại đồng Bương Cẩn
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thoi đêm trắng”

Quang Dũng (Mắt người Sơn Tây)

Qua đó, ta càng thấy rõ nỗi nhớ gia đình quê hương là nỗi nhớ đẹp, thể hiện tấm lòng thủy chung của con người Việt Nam chúng ta. Trở lại hai câu cuối bài thơ, ba chữ “bất như quy” vang lên như một mệnh lệnh của tâm hồn:

“Kiên thuyết tại gia bản diệc hảo,
Giang Nam tuy lạc bất như quy”.

(Nghe nói ở nhà nghèo vẫn tốt
Dẫu vui đất khách, chẳng bằng về)

Nhà thơ sử dụng nghệ thuật tương phản so sánh rất lí thú: “bản diệc hảo” (nghèo vẫn tốt), “gia bản” với “Giang Nam tuy lạc”. Cái “vui” quê người sao bằng cái “nghèo” của quê hương? Tình nghĩa của khách ly hương đối với nơi chôn nhau cắt rốn thật vô cùng sâu nặng. Giang Nam là đất đô hội; quan sứ được đón tiếp linh đình, thiếu gì dê béo rượu ngon, thế mà đêm ngày lòng vẫn nhủ lòng: “bất như quy” – chẳng bằng về.

Cảm xúc “quy húng” dào dạt vần thơ. Tình yêu quê hương đất nước và niềm tự hào dân tộc thấm vào từng câu chữ, từng vần thơ.

Quy húng là một bài thơ hay và cảm động. Hay vì cái tình của khách ly hương. Hay vì lời thơ mộc mạc, giản dị mà ý vị thì sâu sắc đậm đà. Sau vần thơ là cả một tình quê vui đầy, một tâm hồn rộng mở thủy chung.